

Số: 21/2023/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023

THÔNG TƯ

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ

Căn cứ Luật Chuyển giao Công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn Luật chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành 04 (bốn) định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ, cụ thể:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ là định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ được quy định tại Mục I.4.1, Mục I.5.1 và Mục I.5.6 của Phụ lục Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 18/12/2019 quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN), được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này;

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ là định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động xây dựng xây dựng lộ trình công nghệ được quy định tại Mục I.4.1 của Phụ lục Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN, được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ là định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đổi mới công nghệ được quy định tại Mục I.1.7 của Phụ lục Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN, được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này;

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ là định mức kinh tế - kỹ thuật cho các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao công nghệ được quy định tại các Mục I.4.2, Mục I.4.3 và Mục II.4.5 của Phụ lục Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN, được quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Các cơ quan, tổ chức khác ở Trung ương và địa phương sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện dịch vụ được quy định tại Điều 1 Thông tư này.

3. Cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước có thể áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này để thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ* là dịch vụ thực hiện

hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất trong các doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực theo hướng dẫn trong Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất.

2. *Dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ* là dịch vụ thực hiện hoạt động hỗ trợ trong quá trình xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng dẫn trong của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho ngành, lĩnh vực sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia.

3. *Dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ* là dịch vụ thực hiện hoạt động hỗ trợ phân tích, đánh giá để lựa chọn phương án đổi mới công nghệ phù hợp và triển khai thực hiện phương án đổi mới công nghệ đã được lựa chọn.

4. *Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ* là dịch vụ thực hiện các hoạt động hỗ trợ tư vấn, môi giới, đánh giá, kết nối và thực hiện chuyển giao công nghệ.

5. *Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước* đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ (sau đây viết tắt là định mức kinh tế - kỹ thuật) là mức hao phí cần thiết về lao động, máy móc, thiết bị, vật tư trong một điều kiện cụ thể, theo quy trình thực hiện dịch vụ tương ứng để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (hoặc một khối lượng công việc nhất định) đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

6. *Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ* là bản kế hoạch chi tiết về mục tiêu, nội dung, trình tự, phương án sử dụng nguồn lực để thực hiện các hoạt động đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm trong một khoảng thời gian xác định

7. *Hồ sơ công nghệ* là bản mô tả chi tiết về công nghệ bao gồm các thông tin về mô tả công nghệ, phạm vi ứng dụng trong các ngành, các sản phẩm, hiện trạng công nghệ ở Việt nam và trên thế giới, xu hướng phát triển công nghệ trên thế giới.

8. *Đánh giá hiện trạng công nghệ* là hoạt động đánh giá cho biết số lượng, chủng loại, trình độ, mức độ hiện đại, giá trị của công nghệ, máy móc, thiết bị đang được sử dụng hiện nay trong doanh nghiệp/tổ chức.

9. *Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án đổi mới công nghệ* là quá trình hỗ trợ doanh nghiệp/tổ chức phân tích các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, so sánh ưu nhược điểm của các phương án nhằm lựa chọn ra phương án đổi mới công

nghệ phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp/tổ chức.

10. *Hỗ trợ đổi mới công nghệ* là quá trình hỗ trợ phân tích, đánh giá để lựa chọn phương án đổi mới công nghệ phù hợp và triển khai thực hiện phương án đổi mới công nghệ đã được lựa chọn.

11. *Kết nối chuyển giao công nghệ* là hoạt động môi giới, xúc tiến hỗ trợ tìm kiếm đối tác để thực hiện chuyển giao công nghệ.

Điều 4. Phương pháp, cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau:

a) Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

b) Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

c) Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất;

đ) Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chưa có quy định cụ thể

Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Phương pháp thống kê tổng hợp

Trên cơ sở số liệu thống kê trong thời gian ba (03) năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và dựa vào kinh nghiệm thực tế hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

b) Phương pháp tiêu chuẩn

Trên cơ sở các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi để xây dựng định mức lao động cho từng công việc.

Căn cứ các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật để xác định mức tiêu hao đối với từng công việc, trên cơ sở đó tính toán xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho thiết bị và vật tư.

c) Phương pháp phân tích, thực nghiệm

Triển khai các hoạt động khảo sát, thực nghiệm theo đề cương từng quy trình, nội dung công việc để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các công việc hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân trong đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; hỗ trợ đổi mới công nghệ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này xây dựng trên cơ sở các quy trình thực hiện dịch vụ đã được phê duyệt bao gồm:

a) Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá năng lực và trình độ công nghệ.

b) Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

c) Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

d) Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Điều 5. Nội dung của định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm 03 (ba) định mức thành phần cơ bản gồm: định mức lao động, định mức thiết bị, máy móc và

định mức vật tư.

1. Định mức lao động

Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công hoặc để thực hiện một bước công việc trong quy trình đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo quy định.

Định mức lao động là thời gian lao động trực tiếp và gián tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể và thời gian lao động trong quá trình kiểm tra nghiệm thu sản phẩm.

$$\text{Định mức lao động} = \text{Định mức lao động trực tiếp (thực hiện)} + \text{Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ)}$$

a) Định mức lao động trực tiếp là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để thực hiện xong một dịch vụ sự nghiệp công hoặc thực hiện một bước công việc;

b) Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) của lao động trực tiếp.

c) Mức hao phí thời gian lao động trong định mức được tính công, mỗi công tương ứng 08 giờ làm việc.

d) Định mức lao động chưa bao gồm chi phí công tác phí (đi lại, lưu trú của cán bộ, viên chức...).

2. Định mức máy móc, thiết bị: là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành; đơn vị tính là ca (ca), mỗi ca tương ứng 08 giờ làm việc.

3. Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư cần thiết xác định theo chủng loại, số lượng để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ; dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.



Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng quy định tại Thông tư này; trường hợp cần thiết có thể ban hành quy định áp dụng cụ thể định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ thuộc phạm vi quản lý tại bộ, ngành, địa phương nhưng không vượt quá định mức ban hành tại Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lưu: VT, UDCN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Thế Duy

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ
DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ
TRÌNH ĐỘ VÀ NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHHCN ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Khái quát chung.

Nội dung dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ gồm 07 bước áp dụng cho doanh nghiệp; các ngành, lĩnh vực sản xuất tại địa phương và trong cả nước, cụ thể theo sơ đồ như sau:



Các nội dung cụ thể được quy định chi tiết tại Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đánh giá năng lực và trình độ công nghệ.

II. Định mức kinh tế-kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm 03 (ba) định mức thành phần cơ bản gồm: định mức lao động; định mức thiết bị, máy móc và định mức vật tư.

Bước 1. Chuẩn bị hoạt động dịch vụ.

1.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiếp xúc, xác định nhu cầu và xem xét khả năng tiến hành thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của tổ chức cung cấp dịch vụ (Bên cung cấp dịch vụ) cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chức, cá nhân (Bên sử dụng dịch vụ) và chuẩn bị các tài liệu, văn bản cần thiết để thực hiện hoạt động dịch vụ cho Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Tiếp xúc ban đầu: Tiếp xúc ban đầu với Bên sử dụng dịch vụ để nắm được nhu cầu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ.

- Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ: Đánh giá các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ, khả năng cung cấp dịch vụ của Bên cung cấp dịch vụ để xác định khả năng tiến hành dịch vụ.

- Chuẩn bị tài liệu, văn bản cho việc thực hiện dịch vụ: Sau khi xem xét khả năng tiến hành dịch vụ và được sự đồng ý của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của Bên cung cấp dịch vụ sẽ tiến hành soạn thảo các văn bản thỏa thuận và ký kết việc đồng ý thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ;

Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.

1.2. Định mức lao động

TT	Nội dung công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tiếp xúc ban đầu	Viên chức bậc 3/9	Công	0,2
2	Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
3	Chuẩn bị tài liệu, văn bản cho hoạt động dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,3
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

1.3. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	01
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,064
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,008

1.4. Định mức vật tư

STT	Vật tư sử dụng			
	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,2
2	Mực in laser	01 hộp: 1500 tờ A4	Hộp	0,02
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,002
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 2. Lập kế hoạch thực hiện.

2.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, dự kiến kết quả hoạt động dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ. Sau đó xây dựng kế hoạch thực hiện và thông báo lịch thực hiện đến Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, dự kiến kết quả: Trên cơ sở các nhu cầu của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của Bên cung cấp dịch vụ cùng với Bên sử dụng dịch vụ xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ và dự kiến kết quả của hoạt động đánh giá trình độ

và năng lực công nghệ khi được thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ: Bên cung cấp dịch vụ phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để lập kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ trên cơ sở mục tiêu, phạm vi, đối tượng và các yêu cầu kết quả dự kiến.

- Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thống nhất kế hoạch thực hiện: Nhà cung cấp lập kế hoạch chi tiết và thống nhất với Bên sử dụng dịch vụ kế hoạch thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực trong đó có đầy đủ các thông tin về nội dung, chi phí và tiến độ thời gian thực hiện các hoạt động.

c. Sản phẩm

Bảng kế hoạch thực hiện và kết quả dự kiến.

2.2. Định mức lao động

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, dự kiến kết quả hoạt động	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	1,5
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thông báo kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 3/9	Công	2,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, dự kiến kết quả hoạt động	Viên chức bậc 4/9	Công	01
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 4/9	Công	03
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thông báo kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 4/9	Công	05
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, dự kiến kết quả hoạt động	Viên chức bậc 5/9	Công	1,5
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 5/9	Công	4,5
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thông báo kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 5/9	Công	7,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

2.4. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	4,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,288
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,036

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	09
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,576
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,072

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	13,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,864
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,108

2.4. Định mức vật tư

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,18
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,036
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,004
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,36
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,72
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,008
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,54
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,108
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,012
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 3. Chuẩn bị đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

3.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Chuẩn bị đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho Bên sử dụng dịch vụ thông qua các hoạt động lựa chọn phương pháp, lập kế hoạch, chuẩn bị (nhân lực, phiếu điều tra, khảo sát) trước khi thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Lập kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ: Bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

- Xây dựng phương án điều tra trực tiếp và trực tuyến: Bên cung cấp dịch vụ xây dựng cho Bên sử dụng dịch vụ các phương án điều tra trực tiếp và trực tuyến phù hợp với đối tượng, phạm vi và yêu cầu hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ đánh giá và các đơn vị được đánh giá: Bên cung cấp dịch vụ sẽ hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho đội ngũ đánh giá và các đơn vị thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ. Chi phí cho việc đào tạo, tập huấn do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả.

- Xây dựng và hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ hoàn thiện lại phiếu điều tra, khảo sát trên cơ sở Phiếu điều tra được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 17/2019/TT-BKHHCN ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất.

c. Sản phẩm

- Báo cáo phương án đánh giá trình độ và năng lực công nghệ

- Báo cáo kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ

- Đội ngũ nhân lực của Bên sử dụng dịch vụ được tập huấn các kiến thức cần thiết, bộ phiếu điều tra, khảo sát được xây dựng để thực hiện hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

3.2. Định mức lao động

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Lập kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	Viên chức bậc 3/9	công	0,5
2	Xây dựng phương án điều tra trực tiếp và trực tuyến	Viên chức bậc 3/9	công	0,5
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ đánh giá và các đơn vị được đánh giá	Viên chức bậc 3/9	công	0,5
4	Xây dựng và hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát	Viên chức bậc 3/9	công	1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Lập kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	Viên chức bậc 4/9	công	1,0
2	Xây dựng phương án điều tra trực tiếp và trực tuyến	Viên chức bậc 4/9	công	2,0
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ đánh giá và các đơn vị được đánh giá	Viên chức bậc 4/9	công	3,0
4	Xây dựng và hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát	Viên chức bậc 4/9	công	3,0
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Lập kế hoạch điều tra, khảo sát đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	Viên chức bậc 5/9	công	1,5
2	Xây dựng phương án điều tra trực tiếp và trực tuyến	Viên chức bậc 5/9	công	2,5
3	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho đội ngũ đánh giá và các đơn vị được đánh giá	Viên chức bậc 5/9	công	5,0
4	Xây dựng và hoàn thiện phiếu điều tra, khảo sát	Viên chức bậc 5/9	công	5,0
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

3.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	2,50
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,16
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,02

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	09
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,576
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,072

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	14
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,896
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,112

3.4. Định mức vật tư

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,1
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,02
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,002
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,36
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,072
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,008
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,56
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,112
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,012
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 4. Khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ

4.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo các hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai.

b. Các bước thực hiện

- Hỗ trợ tổ chức điều tra thu thập số liệu: Bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, giải đáp các vấn đề liên quan đến các nội dung đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho đội ngũ điều tra viên thực hiện hoạt động đánh giá và các đơn vị được đánh giá khi có yêu cầu. Chi phí điều tra do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định hiện hành về điều tra, khảo sát.

- Hỗ trợ tổ chức điều tra trực tuyến: Bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn, giải đáp các vấn đề liên quan đến các nội dung đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho các đơn vị được đánh giá trực tuyến khi có yêu cầu. Chi phí điều tra do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định hiện hành về điều tra, khảo sát.

c. Sản phẩm

Báo cáo hỗ trợ hoạt động khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

4.2. Định mức lao động

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ tổ chức điều tra thu thập số liệu	Viên chức bậc 3/9	Công	1,0
2	Tổ chức điều tra trực tuyến	Viên chức bậc 3/9	Công	0,3
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ tổ chức điều tra thu thập số liệu	Viên chức bậc 4/9	Công	15
2	Tổ chức điều tra trực tuyến	Viên chức bậc 4/9	Công	05
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ tổ chức điều tra thu thập số liệu	Viên chức bậc 5/9	Công	22,0
2	Tổ chức điều tra trực tuyến	Viên chức bậc 5/9	Công	8,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

4.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	1,30
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,08
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,001

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	20,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,28
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,16

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	30,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,92
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,24

4.4. Định mức vật tư

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,052
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,010
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,001
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,1
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,8
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,16
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,016
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	1,20
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,24
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,024
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 5. Xử lý, phân tích số liệu và xây dựng các báo cáo đánh giá công nghệ

5.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Xử lý, phân tích số liệu từ việc tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra, khảo sát đến phân tích, đánh giá số liệu phục vụ xây dựng các báo cáo đánh giá công nghệ phục vụ mục tiêu quản lý của Bên sử dụng dịch vụ như: báo cáo thực trạng trình độ và năng lực công nghệ; báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ; báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ; báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ; báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

- Phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ trong quá trình xác định các yêu cầu đối với báo cáo đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ. Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ trong quá trình xác định các yêu cầu đối với báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ. Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ trong quá trình xác định các yêu cầu đối với báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ. Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ trong quá trình xác định các yêu cầu đối với báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ. Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ trong quá trình xác định các yêu cầu đối với báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ. Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá thực trạng trình độ và năng lực công nghệ.

- Báo cáo đánh giá hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ.

- Báo cáo đánh giá khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ.
- Báo cáo đánh giá hoạt động đổi mới công nghệ.
- Báo cáo đánh giá năng lực hấp thụ công nghệ.

5.2. Định mức lao động

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra;	Viên chức bậc 5/9	công	0,2
2	Phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo trình độ và năng lực công nghệ;	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
3	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ;	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
4	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ;	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
5	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ;	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
6	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ.	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra;	Viên chức bậc 6/9	công	3,5
2	Phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo trình độ và năng lực công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	5,0
3	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	5,0
4	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	5,0
5	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	5,0
6	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ.	Viên chức bậc 6/9	công	5,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tổng hợp, xử lý số liệu (chuẩn hóa số liệu) điều tra;	Viên chức bậc 6/9	công	8,0
2	Phân tích, đánh giá thực trạng và xây dựng báo cáo trình độ và năng lực công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	12,0
3	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hiệu quả, khai thác sử dụng công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	12,0
4	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo khả năng nghiên cứu phát triển công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	12,0
5	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo hoạt động đổi mới công nghệ;	Viên chức bậc 6/9	công	12,0
6	Phân tích, đánh giá và xây dựng báo cáo năng lực hấp thụ công nghệ.	Viên chức bậc 6/9	công	12,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

5.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	6,20
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,40
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,05

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	33,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	2,14
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,27

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	80,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	5,20
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,64

5.4. Định mức vật tư

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,25
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,05
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,005
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	1,24
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,27
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,027
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	3,20
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,64
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,06
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 6. Công bố, duy trì, cải tiến cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ

6.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Công bố, duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo yêu cầu.

b. Các bước thực hiện

- Công bố kết quả đánh giá: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch công bố kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ. Các hoạt động phục vụ cho việc

công bố kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sẽ do Bên sử dụng dịch vụ tự thực hiện.

- Lập kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá. Việc duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá sẽ do Bên sử dụng dịch vụ tự thực hiện.

c. Sản phẩm

- Kế hoạch công bố kết quả đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất;
- Kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật Hệ thống Cơ sở dữ liệu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

6.2. Định mức lao động

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Công bố kết quả đánh giá	Viên chức bậc 3/9	công	0,5
2	Lập kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá	Viên chức bậc 5/9	công	1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Công bố kết quả đánh giá	Viên chức bậc 3/9	công	1,0
2	Lập kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá	Viên chức bậc 5/9	công	2,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Công bố kết quả đánh giá	Viên chức bậc 3/9	công	2,0
2	Lập kế hoạch duy trì, cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu đánh giá	Viên chức bậc 5/9	công	3,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

6.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	1,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,1
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,01

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	3,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,2
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,02

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	5,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,32
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,04

6.4. Định mức vật tư

a) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,06
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,012
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,001
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,1
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,12
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,024
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,002
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,1
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,2
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,04
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,004
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,1
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 7. Kết thúc dịch vụ

7.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiến hành đánh giá kết quả hoạt động thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ, nghiệm thu và kết thúc quá trình thực hiện dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để xây dựng báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

- Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ nghiệm thu và ký kết các văn bản nghiệm thu, kết thúc thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ;
- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ.

7.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ	Viên chức bậc 3/9	công	0,5
2	Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ	Viên chức bậc 6/9		1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

7.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	1,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,1
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,01

7.4. Định mức vật tư

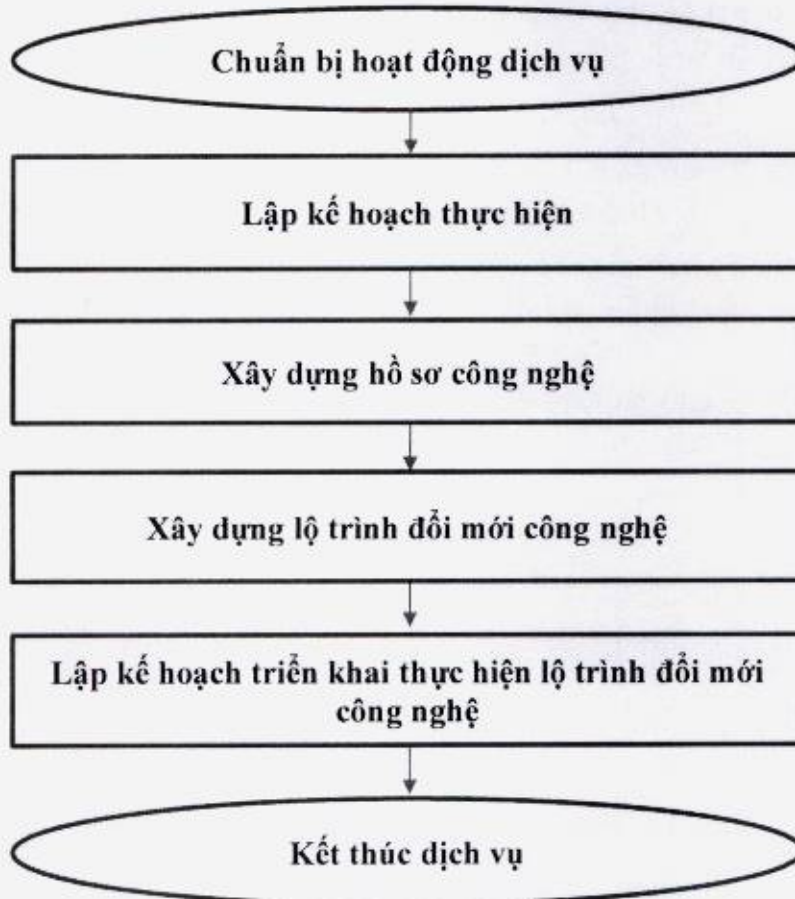
STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,06
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,012
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,001
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,1
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

**Phụ lục II****ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ
DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ HỖ TRỢ XÂY
DỰNG LỘ TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHHCN ngày 21 tháng 11 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

I. Khái quát chung.

Nội dung dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ bao gồm 06 bước áp dụng cho doanh nghiệp; các ngành, lĩnh vực tại địa phương và trong cả nước, cụ thể theo sơ đồ như sau:



Các nội dung cụ thể được quy định chi tiết tại Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

II. Định mức kinh tế-kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm 03 (ba) định mức thành phần cơ bản gồm: định mức lao động, định mức thiết bị, máy móc và định mức vật tư.

Bước 1. Chuẩn bị hoạt động dịch vụ

1.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiếp xúc, xác định nhu cầu và xem xét khả năng tiến hành thực hiện hoạt động tư vấn hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của tổ chức cung cấp dịch vụ (Bên cung cấp dịch vụ) cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chức, cá nhân (Bên sử dụng dịch vụ) và chuẩn bị các tài liệu, văn bản cần thiết để thực hiện hoạt động dịch vụ cho Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Tiếp xúc ban đầu: Tiếp xúc ban đầu với Bên sử dụng dịch vụ để nắm được nhu cầu đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ.

- Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ: Đánh giá các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ, khả năng cung cấp dịch vụ của nhà cung cấp để xác định khả năng tiến hành dịch vụ.

- Chuẩn bị tài liệu, văn bản cho hoạt động dịch vụ: Sau khi xem xét khả năng tiến hành dịch vụ và được sự đồng ý của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của nhà cung cấp sẽ tiến hành soạn thảo các văn bản thỏa thuận và ký kết việc đồng ý thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ.
- Biên bản thỏa thuận thực hiện hoạt động dịch vụ.

1.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tiếp xúc ban đầu	Viên chức bậc 3/9	Công	0,2
2	Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
3	Chuẩn bị tài liệu, văn bản cho hoạt động dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,3
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

1.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	0,7
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,05
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,005

1.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,05
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,01
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,001
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,01
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 2. Lập kế hoạch thực hiện

2.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Xác định các yêu cầu đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ. Sau đó xây dựng kế hoạch thực hiện và thông báo kế hoạch thực hiện đến Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Xác định yêu cầu đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ: Trên cơ sở các nhu cầu của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của Bên cung cấp dịch vụ cùng với Bên sử dụng dịch vụ xác định các yêu cầu đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ. Các yêu cầu này được xác định căn cứ trên trình độ và năng lực công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ, mức độ chi tiết của lộ trình đổi mới công nghệ dự kiến được xây dựng, đặc điểm của công nghệ, ngành, lĩnh vực hoạt động của Bên sử dụng dịch vụ.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ: Bên cung cấp dịch vụ phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để lập kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trên cơ sở các yêu cầu đã được hai bên thống nhất.

- Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thống nhất kế hoạch thực hiện: Nhà cung cấp lập kế hoạch chi tiết và thống nhất với Bên sử dụng dịch vụ kế hoạch thực hiện việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong đó có đầy đủ các thông tin về nội dung, chi phí và tiến độ thời gian thực hiện các hoạt động.

c. Sản phẩm

- Bảng kế hoạch thực hiện dịch vụ và kết quả dự kiến.

2.2. Định mức lao động

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xác định yêu cầu đối với việc xây dựng đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,0
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,5
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thống nhất kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 6/9	Công	2,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xác định yêu cầu đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	2
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 6/9	Công	3,5
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thống nhất kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 6/9	Công	4,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xác định yêu cầu đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	3,5
2	Xây dựng kế hoạch tổng thể cho quá trình thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 6/9	Công	6,5
3	Lập kế hoạch thực hiện chi tiết và thống nhất kế hoạch thực hiện	Viên chức bậc 6/9	Công	9,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

2.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	05
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,32
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,04

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	10
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,64
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,08

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	19,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,28
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,12

2.4. Định mức vật tư

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,2
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,04
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,004
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,4
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,08
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,008
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,8
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,15
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,015
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 3. Xây dựng hồ sơ công nghệ

3.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Hướng dẫn, hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ thực hiện hoạt động đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ để xây dựng cây công nghệ và các hồ sơ công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Xây dựng cấu trúc cây công nghệ, đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan: Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ xây dựng cấu trúc cây công nghệ và xây dựng các mẫu hồ sơ công nghệ tổng quát để trên cơ sở đó đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan. Việc xây dựng cấu trúc cây công nghệ, xây dựng các hồ sơ công nghệ tổng quát, đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan được thực hiện theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKH-CN ngày 13/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Sổ tay Hướng dẫn xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho ngành, lĩnh vực sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia (Quyết định số 3771/QĐ-BKH-CN). Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ: Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức đoàn khảo sát điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ để xây dựng các hồ sơ công nghệ chi tiết. Việc điều tra và xây dựng các hồ sơ công nghệ chi tiết do Bên sử dụng dịch vụ và các chuyên gia tự thực hiện theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKH-CN. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Xây dựng các hồ sơ công nghệ chi tiết: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xác định cấu trúc của các hồ sơ công nghệ chi tiết, các yêu cầu đối với các nội dung trong hồ sơ công nghệ chi tiết theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKH-CN để

trên cơ sở đó các chuyên gia xây dựng báo cáo tổng hợp các hồ sơ công nghệ chi tiết cho Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Các hồ sơ công nghệ chi tiết theo yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ

3.2. Định mức lao động

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xây dựng cấu trúc cây công nghệ, đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan	Viên chức bậc 6/9	Công	2,0
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	5
3	Xây dựng các hồ sơ công nghệ chi tiết	Viên chức bậc 6/9	Công	2,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Xây dựng cấu trúc cây công nghệ và đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan	Viên chức bậc 6/9	Công	4,5
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	12,0
3	Xây dựng báo cáo tổng hợp các hồ sơ công nghệ chi tiết	Viên chức bậc 6/9	Công	6,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Xây dựng cấu trúc cây công nghệ và đánh giá tổng quan về công nghệ và các công nghệ liên quan	Viên chức bậc 6/9	Công	8,5
2	Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	25,5
3	Xây dựng báo cáo tổng hợp các hồ sơ công nghệ chi tiết	Viên chức bậc 6/9	Công	12,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

3.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	9,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,62
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,076

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	23,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,50
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,20

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	46,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	3,0
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,37

3.4. Định mức vật tư

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,38
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,076
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0076
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,90
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,18
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,018
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	1,80
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,37
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,04
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 4. Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ

4.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Hướng dẫn, hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Hỗ trợ xác định mục tiêu, đối tượng của lộ trình đổi mới công nghệ: Phối hợp với các chuyên gia hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xác định mục tiêu, đối tượng của lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-

BKHCN. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ: Phối hợp các chuyên gia hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xác định và lập danh mục các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển, xác định các dự án nghiên cứu và phát triển cần thực hiện, các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, nguồn lực cho việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Hỗ trợ xây dựng báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xác định cấu trúc của báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ, các yêu cầu đối với các nội dung trong báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng dẫn trong Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN để trên cơ sở đó các chuyên gia xây dựng các báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ cho Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo lộ trình đổi mới công nghệ.

4.2. Định mức lao động

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Hỗ trợ xác định mục tiêu, đối tượng của lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,5
2	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,8
3	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	2,5
II Định mức lao động gián tiếp				
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ xác định mục tiêu, đối tượng của lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	2,5
2	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	3,5
3	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	5,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ xác định mục tiêu, đối tượng của lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	5,5
2	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	8,5
3	Hỗ trợ xác định các sản phẩm, công nghệ ưu tiên phát triển trong lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	10,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

4.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	5,8
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,37
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,046

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	11,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,74
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,092

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	24,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,57
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,92

4.4. Định mức vật tư

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,23
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,046
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0046
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,45
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,09
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,009
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,95
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,20
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,002
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 5. Lập kế hoạch triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ

5.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Hướng dẫn, hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Hỗ trợ lập kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ: Phối hợp với các chuyên gia hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch triển khai lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ đã được xây dựng. Kế hoạch triển khai được xây dựng bám sát các nội dung trong lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ đã được xây dựng. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Hỗ trợ lập kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở dữ liệu để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ: Phối hợp với các chuyên gia hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ lập kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở dữ liệu công nghệ để triển khai thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ.

- Kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ

5.2. Định mức lao động

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ lập kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,8
2	Hỗ trợ lập kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở dữ liệu để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ lập kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	3,2
2	Hỗ trợ lập kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở dữ liệu để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	2,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Hỗ trợ lập kế hoạch triển khai lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	6,8
2	Hỗ trợ lập kế hoạch duy trì, cập nhật, điều chỉnh cơ sở dữ liệu để thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	6,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

5.3. Định mức máy móc, thiết bị

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	3,3
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,20
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,03

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	5,7
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,36
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,045

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	13,3
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,85
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,11

5.4. Định mức vật tư

a) Đối với việc xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một doanh nghiệp

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,13
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,026
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0026
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực tại một địa phương

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,23
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,046
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0046
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

c) Đối với xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của một ngành, lĩnh vực trong quy mô cả nước

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,53
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,11
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,011
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,4
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 6. Kết thúc dịch vụ

6.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiến hành đánh giá kết quả hoạt động hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ, nghiệm thu và kết thúc dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Lập báo cáo kết quả hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để xây dựng báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

- Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ nghiệm thu và ký kết các văn bản nghiệm thu, kết thúc thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.

6.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Lập báo cáo kết quả hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 6/9	Công	0,5
2	Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ	Viên chức bậc 6/9	Công	1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

6.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	1,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,1
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,01

6.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,6
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,12
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,012
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế



Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023/TT-BKHCN ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Khái quát chung.

Nội dung dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ bao gồm 06 bước, cụ thể theo sơ đồ như sau:



Các nội dung cụ thể được quy định chi tiết tại Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

II. Định mức kinh tế-kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm 03 (ba) định mức thành phần cơ bản gồm: định mức lao động, định mức thiết bị, máy móc và định mức vật tư.

Bước 1. Chuẩn bị hoạt động dịch vụ

1.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

- Tổ chức cung cấp dịch vụ (Bên cung cấp dịch vụ) tiếp xúc, nắm bắt thông tin, xác định nhu cầu hỗ trợ đổi mới công nghệ, đánh giá tổng quan về năng lực đổi mới công nghệ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chức, cá nhân (Bên sử dụng dịch vụ), xác định, lựa chọn chuyên gia hỗ trợ phù hợp và chuẩn bị các tài liệu, văn bản cần thiết để thực hiện hoạt động dịch vụ cho Bên sử dụng dịch vụ.

- Đánh giá tổng quan về năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp thông qua việc xem xét hồ sơ hoặc khảo sát thực địa tại đơn vị khảo sát.

b. Các bước thực hiện

- Tiếp xúc ban đầu: Tiếp xúc ban đầu với Bên sử dụng dịch vụ để nắm được nhu cầu hỗ trợ đổi mới công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ.

- Đánh giá tổng quan về năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp: Thông qua việc xem xét hồ sơ, kết hợp với khảo sát thực địa tại Bên sử dụng dịch vụ (nếu cần thiết). Chi phí cho việc khảo sát do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Xác định, lựa chọn chuyên gia hỗ trợ phù hợp: Cung cấp cho Bên sử dụng dịch vụ danh sách các chuyên gia hỗ trợ đổi mới công nghệ phù hợp với nhu cầu và trao đổi, thảo luận và liên hệ với các chuyên gia để xác định, lựa chọn chuyên gia phù hợp hỗ trợ thực hiện dịch vụ.

- Chuẩn bị tài liệu, văn bản để thực hiện dịch vụ: Sau khi xem xét khả năng tiến hành dịch vụ và được sự đồng ý của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của Bên cung cấp dịch vụ sẽ tiến hành soạn thảo các văn bản thỏa thuận và ký kết việc đồng ý thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo xác định nhu cầu hỗ trợ đổi mới công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ;
- Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.

1.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tiếp xúc ban đầu	Viên chức bậc 3/9	Công	0,2
2	Đánh giá tổng quan về năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp	Viên chức bậc 5/9	Công	2,5
3	Xác định, lựa chọn chuyên gia hỗ trợ phù hợp	Viên chức bậc 5/9	Công	1,5
4	Chuẩn bị tài liệu, văn bản để thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

1.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	4,70
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,30
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,035

1.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,2
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,04
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,004
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 2. Đánh giá hiện trạng và lập kế hoạch thực hiện

2.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ hiện có và xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đổi mới công nghệ trong dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Xây dựng kế hoạch cụ thể thời gian thực hiện các nội dung công việc ở từng giai đoạn, kết quả công việc cần đạt được của hoạt động đổi mới công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đổi mới: Hỗ trợ các chuyên gia thực hiện việc khảo sát đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ hiện có của Bên sử dụng dịch vụ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ lập hồ sơ công nghệ và xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đổi mới công nghệ trong hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho việc khảo sát và chuyên gia thực hiện khảo sát, đánh giá và xây dựng các hồ sơ công nghệ do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Lập kế hoạch thực hiện hoạt động đổi mới công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất để xác định danh mục kết quả cần đạt được theo các nội dung dự kiến thực hiện của hoạt động đổi mới công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất thời gian hoàn thành của mỗi nội dung công việc; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch thực hiện cho hoạt động đổi mới công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá hiện trạng công nghệ, thiết bị
- Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động đổi mới công nghệ.

2.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đổi mới	Viên chức bậc 5/9	Công	7,5
2	Lập kế hoạch thực hiện hoạt động đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	5,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

2.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	13,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,83
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,11

2.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,52
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,10
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,01
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 3. Phân tích, đánh giá công nghệ

3.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Nghiên cứu tổng hợp, tìm kiếm, phân tích, đánh giá các công nghệ liên quan, đưa ra các phương án đổi mới công nghệ trên cơ sở nhu cầu và hiện trạng công nghệ hiện có của Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Nghiên cứu, phân tích đánh giá xác định các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ: Hỗ trợ các chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ xác định các yêu cầu, xây dựng khung báo cáo để các chuyên gia hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ tổng hợp, tìm kiếm, phân tích, đánh giá các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải

tiến/đổi mới hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia đánh giá xác định các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Xây dựng các phương án đổi mới công nghệ: Hỗ trợ các chuyên gia xây dựng phương án đổi mới công nghệ cho các công nghệ đã được xác định dùng để cải tiến/đổi mới hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia xây dựng phương án đổi mới công nghệ do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo tổng hợp, phân tích đánh giá các công nghệ liên có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ.

- Báo cáo đề xuất các phương án đổi mới công nghệ.

3.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Nghiên cứu, phân tích đánh giá xác định các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	11,0
2	Xây dựng các phương án đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	11,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

3.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	22,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,40
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,18

3.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,88
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,17
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,017
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 4. Lựa chọn phương án đổi mới công nghệ

4.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên phù hợp với hiện trạng thiết bị, công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ, từ đó đề xuất lựa chọn phương án đổi mới công nghệ phù hợp với Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên: Hỗ trợ các chuyên gia xây dựng báo cáo phân tích đánh giá ưu, nhược điểm, tính năng kinh tế - kỹ thuật, khả năng áp dụng, cải tiến, tích hợp của các công nghệ được lựa chọn vào hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Lựa chọn phương án đổi mới công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất, lựa chọn phương án đổi mới công nghệ phù hợp với hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên.

- Biên bản xác nhận phương án đổi mới công nghệ.

4.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Phân tích, đánh giá xác định các lựa chọn các công nghệ có khả năng ứng dụng để cải tiến/đổi mới công nghệ ưu tiên	Viên chức bậc 5/9	Công	10,5
2	Lựa chọn phương án đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	4,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

4.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	14,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,92
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,12

4.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,58
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,11
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,011
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,50
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 5. Hỗ trợ triển khai đổi mới công nghệ

5.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ triển khai các hoạt động cải tiến/đổi mới công nghệ trên cơ sở phương án đổi mới công nghệ đã được lựa chọn.

b. Các bước thực hiện

- Lập kế hoạch chi tiết triển khai phương án đổi mới công nghệ đã lựa chọn: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xác định mục tiêu, nội dung công việc, dự kiến kết quả, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cần thiết để lập kế hoạch chi tiết triển khai phương án đổi mới công nghệ đã lựa chọn. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Hỗ trợ triển khai phương án đổi mới công nghệ đã lựa chọn: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ xây dựng hồ sơ, trao đổi, thống nhất để ký kết biên bản (hợp đồng) thực hiện hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ. Các nội dung hỗ trợ do Bên sử dụng dịch vụ và các chuyên gia trao đổi, thống nhất trên cơ sở nhu cầu đổi mới công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ, bao gồm: Tư vấn triển khai các nội dung theo phương án đổi mới công nghệ (Ví dụ các hoạt động: Xây dựng bản vẽ kỹ thuật; mô phỏng; triển khai các thí nghiệm; sản xuất thử nghiệm; phân tích mẫu;...); Tập huấn kỹ thuật; Đánh giá kết quả phương án đã triển khai; Hỗ trợ xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ (nếu có). Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Bản kế hoạch chi tiết triển khai phương án đổi mới công nghệ;
- Biên bản (hợp đồng) hỗ trợ triển khai phương án đổi mới công nghệ.

5.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Lập kế hoạch chi tiết triển khai phương án đổi mới công nghệ đã lựa chọn	Viên chức bậc 5/9	Công	12,5
2	Hỗ trợ triển khai phương án đổi mới công nghệ đã lựa chọn	Viên chức bậc 5/9	Công	22,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

5.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	34,5
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	2,2
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,27

5.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	1,62
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,32
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,032
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	01
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 6. Kết thúc dịch vụ

6.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiến hành đánh giá kết quả hoạt động thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ, nghiệm thu và kết thúc dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để xây dựng báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

- Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ nghiệm thu và ký kết các văn bản nghiệm thu, kết thúc dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ;

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

6.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I Định mức lao động trực tiếp				
1	Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	1,0
2	Nghiệm thu và kết thúc thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 4/9	Công	1,5
II Định mức lao động gián tiếp				
Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp				

6.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	2,50
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,16
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,02

6.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,10
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,02
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,002
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	01
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế



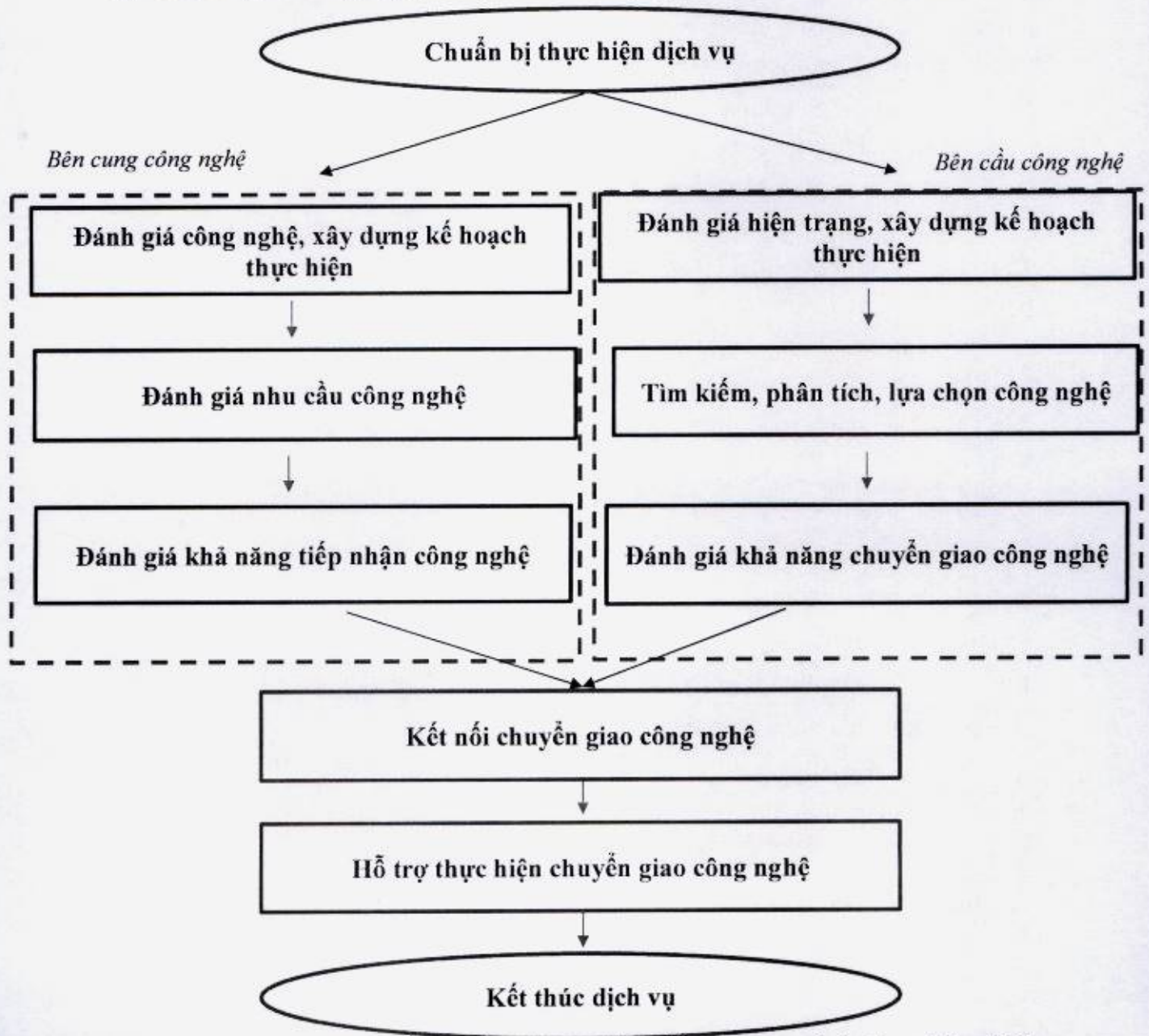
Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ HỖ TRỢ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2023 TT-BKHCN ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Khái quát chung.

Nội dung dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ chuyên giao công nghệ bao gồm 07 bước, cụ thể theo sơ đồ như sau:



Các nội dung cụ thể được quy định chi tiết tại Quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với dịch vụ hỗ trợ chuyên giao công nghệ.

II. Định mức kinh tế-kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công bao gồm 03 (ba) định mức thành phần cơ bản gồm: định mức lao động, định mức thiết bị, máy móc và định mức vật tư.

Bước 1. Chuẩn bị thực hiện dịch vụ

1.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiếp xúc, xác định nhu cầu và xem xét nhu cầu hỗ trợ chuyển giao công nghệ của cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chức, cá nhân (Bên sử dụng dịch vụ) từ tổ chức cung cấp dịch vụ (Bên cung cấp dịch vụ) và chuẩn bị các tài liệu, văn bản cần thiết để thực hiện hoạt động dịch vụ cho Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Tiếp xúc ban đầu: Tiếp xúc ban đầu với Bên sử dụng dịch vụ để nắm được nhu cầu hỗ trợ chuyển giao công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ.

- Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ: Đánh giá các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ, khả năng cung cấp dịch vụ của Bên cung cấp dịch vụ để xác định khả năng tiến hành dịch vụ.

- Chuẩn bị tài liệu, văn bản để thực hiện dịch vụ: Sau khi xem xét khả năng tiến hành dịch vụ và được sự đồng ý của Bên sử dụng dịch vụ, đại diện của Bên cung cấp dịch vụ sẽ tiến hành soạn thảo các văn bản thỏa thuận và ký kết việc đồng ý thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo xác định các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ;

- Biên bản thỏa thuận thực hiện dịch vụ.

1.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tiếp xúc ban đầu	Viên chức bậc 3/9	Công	2,5
2	Xem xét khả năng tiến hành dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	1,5
3	Chuẩn bị tài liệu, văn bản để thực hiện dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

1.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	4,50
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,30
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,04

1.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,18
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,036
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0036
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,30
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 2. Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện; Đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện

2.1. Nội dung công việc

2.1.1. Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)

a. Mục đích

Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ được dự kiến chuyển giao của bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ (Bên sử dụng dịch vụ). Xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể thời gian thực hiện các nội dung công việc ở từng giai đoạn, kết quả công việc cần đạt được của hoạt động chuyển giao công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Đánh giá, phân tích thiết bị, công nghệ: Hỗ trợ các chuyên gia thực hiện việc đánh giá, phân tích thiết bị, công nghệ được dự kiến chuyển giao của Bên sử dụng dịch vụ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ lập hồ sơ công nghệ và xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đặc trưng của hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên cung công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia đánh giá, thẩm định giá trị công nghệ, quyền sở hữu công nghệ của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho việc đánh giá, phân tích và xây dựng các hồ sơ công nghệ do của Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất để xác định phương thức, các nội dung, các yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ khi thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất thời gian hoàn thành của mỗi nội dung công việc; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch thực hiện cho hoạt động chuyển giao

công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá, phân tích thiết bị, công nghệ, xác định tiềm năng thị trường và khả năng chuyển giao công nghệ;
- Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động xúc tiến chuyển giao công nghệ

2.1.2. Nội dung đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)

a. Mục đích

Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ hiện có và xác định các yêu cầu, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công nghệ cần tiếp nhận, chuyển giao trong dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên cầu công nghệ (Bên sử dụng dịch vụ). Xây dựng kế hoạch cụ thể thời gian thực hiện các nội dung công việc ở từng giai đoạn, kết quả công việc cần đạt được của hoạt động chuyển giao công nghệ.

b. Các bước thực hiện

- Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công nghệ cần tiếp nhận, chuyển giao: Hỗ trợ các chuyên gia thực hiện việc khảo sát đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ hiện có của Bên cầu công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ lập hồ sơ công nghệ và xác định các yêu cầu, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công nghệ cần tiếp nhận, chuyển giao trong hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ sản xuất của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho việc khảo sát và chuyên gia thực hiện khảo sát, đánh giá và xây dựng các hồ sơ công nghệ (nếu có) do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động tiếp nhận công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất để xác định danh mục kết quả cần đạt được theo các nội dung dự kiến thực hiện của hoạt động chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất thời gian hoàn thành của mỗi nội dung công việc; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch thực hiện cho hoạt động tiếp nhận, chuyển giao công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Báo cáo đánh giá hiện trạng, xác định nhu cầu chuyển giao công nghệ;
- Bảng kế hoạch thực hiện hoạt động tiếp nhận công nghệ.

2.2. Định mức lao động

a/ Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Đánh giá, phân tích thiết bị, công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	5,5
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	4,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b/ Đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Đánh giá, phân tích hiện trạng thiết bị, công nghệ, xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của công nghệ cần tiếp nhận, chuyển giao	Viên chức bậc 3/9	Công	7,5
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động tiếp nhận công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	5,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

2.3. Định mức máy móc, thiết bị

a/ Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	10,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,64
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,08

b/ Đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	13,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,80
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,10

2.4. Định mức vật tư

a/ Đánh giá công nghệ, xây dựng kế hoạch thực hiện

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,40
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,08
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,008
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b/ Đánh giá hiện trạng, xây dựng kế hoạch thực hiện

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,52
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,10
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,01
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 3. Đánh giá nhu cầu công nghệ; Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ

3.1. Nội dung công việc

3.1.1. Đánh giá nhu cầu công nghệ (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)

a. Mục đích

Tìm kiếm, đánh giá nhu cầu công nghệ của các tổ chức/cá nhân có khả năng tiếp nhận, chuyển giao công nghệ theo yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Tìm kiếm các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ tìm kiếm các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ.

- Phân tích, đánh giá hiện trạng công nghệ của các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xác định khung phân tích, đánh giá hiện trạng công nghệ của các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ; Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ và các chuyên gia phân tích, đánh giá hiện trạng công nghệ của các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

Báo cáo đánh giá nhu cầu công nghệ.

3.1.2. Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)

a. Mục đích

Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn được công nghệ đáp ứng được yêu cầu của Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Tìm kiếm công nghệ: Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ tra cứu, tìm kiếm các công nghệ phù hợp từ cơ sở dữ liệu về nguồn cung công nghệ trong và ngoài nước.

- Phân tích, lựa chọn các công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá các công nghệ đã tìm kiếm được trên cơ sở các hồ sơ công nghệ đã được lập; Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ đánh giá tiềm năng thị trường,

hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư của công nghệ, Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ đánh giá về mức độ hoàn thiện công nghệ, sở hữu trí tuệ, các vấn đề tính pháp lý của công nghệ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

Báo cáo kết quả lựa chọn công nghệ.

3.2. Định mức lao động

a/ Đánh giá nhu cầu công nghệ

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tìm kiếm các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	7,5
2	Phân tích, đánh giá hiện trạng công nghệ của các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	14,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b/ Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Tìm kiếm công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	5,5
2	Phân tích, lựa chọn các công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	16,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

3.3. Định mức máy móc, thiết bị

a/ Đánh giá nhu cầu công nghệ

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	22,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,40
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,18

b/ Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	22,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,40
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,18

3.4. Định mức vật tư

a/ Đánh giá nhu cầu công nghệ

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,88
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,18
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,018
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b/ Tìm kiếm, phân tích, lựa chọn công nghệ

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,88
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,18
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,018
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 4. Đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ; Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ

4.1. Nội dung công việc

4.1.1. Đánh giá khả năng tiếp nhận (đối với bên có công nghệ chuyển giao - Bên cung công nghệ)

a. Mục đích

Đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ của các tổ chức/cá nhân khi được cung cấp bởi Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Phân tích, đánh giá khả năng tiếp nhận: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ (nguồn lực đầu tư, trình độ và năng lực công nghệ, khả năng hấp thụ, làm chủ, đổi mới và phát triển công nghệ,...) của các tổ chức/cá nhân khi được cung cấp bởi Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia và điều tra, khảo sát tại các tổ chức/cá nhân có nhu cầu công nghệ do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia, điều tra, khảo sát.

- Xây dựng danh sách tổ chức/cá nhân tiếp nhận công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng danh sách tổ chức/cá nhân có khả năng tiếp nhận công nghệ được cung cấp bởi Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

Báo cáo đánh giá khả năng tiếp nhận công nghệ.

4.1.2. Đánh giá khả năng chuyển giao (đối với bên tiếp nhận công nghệ chuyển giao - Bên cầu công nghệ)

a. Mục đích

Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ từ các đơn vị cung cấp đáp ứng được nhu cầu của Bên sử dụng dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ phân tích, đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ từ các nguồn cung công nghệ đã tìm kiếm được (đánh giá về mức độ hoàn thiện của công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các nguồn lực hỗ trợ cho tiếp nhận chuyển giao công nghệ, các vấn đề pháp lý liên quan); Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ đánh giá mức độ tích hợp của công nghệ dự kiến lựa chọn vào hệ thống dây chuyền, thiết bị, công nghệ hiện có của Bên sử dụng dịch vụ (tính toán, mô phỏng khả năng vận hành,...).

- Xây dựng danh sách nguồn cung công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng danh sách các nguồn cung công nghệ phù hợp với nhu cầu của Bên sử dụng dịch vụ. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

Báo cáo đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ.

4.2. Định mức lao động

a/ Đánh giá khả năng tiếp nhận

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Phân tích, đánh giá khả năng tiếp nhận	Viên chức bậc 3/9	Công	14,5
2	Xây dựng danh sách tổ chức/cá nhân tiếp nhận công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	2,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

b/ Đánh giá khả năng chuyển giao

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Đánh giá khả năng chuyển giao công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	15,5
2	Xây dựng danh sách nguồn cung công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	3,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

3.3. Định mức máy móc, thiết bị

a/ Đánh giá khả năng tiếp nhận

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	17,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,10
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,14

b/ Đánh giá khả năng chuyển giao

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	19,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,20
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,15

4.4. Định mức vật tư

a/ Đánh giá khả năng tiếp nhận

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,68
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,13
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,013
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

b/ Đánh giá khả năng chuyển giao

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,76
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,15
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,015
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 5. Kết nối chuyển giao công nghệ

5.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tổ chức giới thiệu, đàm phán và tư vấn hoàn thiện các thủ tục chuyển giao công nghệ theo quy định Pháp luật.

b. Các bước thực hiện

- Kết nối, mua bán công nghệ: Tổ chức kết nối giữa các Bên sử dụng dịch vụ (bên cung cấp công nghệ và bên có nhu cầu tiếp nhận công nghệ); Hỗ trợ các Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xây dựng nội dung công việc chuyển giao công nghệ giữa các bên, xác định các điều khoản, trách nhiệm của các bên; Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ xây dựng các danh mục pháp lý cần thiết để phục vụ công tác chuyển giao; Hỗ trợ các Bên sử dụng dịch vụ xây dựng biên bản thống nhất giữa các bên.

- Chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ các Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất để xây dựng hợp đồng chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ chuyên gia các Bên sử dụng dịch vụ để hoàn thiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Chi phí cho chuyên gia, tư vấn pháp lý do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Biên bản thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ

5.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	DVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Kết nối, mua bán công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	6,5
2	Chuyển giao công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	10,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

5.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	17,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	1,10
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,14

5.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,68
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,13
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,013
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,5
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 6. Hỗ trợ thực hiện chuyển giao công nghệ

6.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Hỗ trợ Bên sử dụng dịch vụ triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ theo các nội dung trong biên bản hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được ký kết.

b. Các bước thực hiện

- Xây dựng kế hoạch triển khai: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất xác định mục tiêu, nội dung công việc, dự kiến kết quả, thời gian hoàn thành và các nguồn lực cần thiết để lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện các nội dung theo biên bản/hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được ký kết. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

- Hỗ trợ triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ: Hỗ trợ chuyên gia và Bên sử dụng dịch vụ trao đổi, thống nhất để xác định các nội dung cần thực hiện để triển khai biên bản/hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được ký kết bên cạnh các nội dung trong biên bản/hợp đồng (nếu có). Các nội dung hỗ trợ do Bên sử dụng dịch vụ và các chuyên gia trao đổi, thống nhất trên cơ sở biên bản/hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được ký kết, bao gồm: Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực; Vận hành, thử nghiệm và hiệu chỉnh; Đánh giá hiệu quả công nghệ; Các vấn đề pháp lý liên quan. Chi phí cho chuyên gia do Bên sử dụng dịch vụ tự chi trả theo các quy định pháp luật hiện hành về thuê chuyên gia.

c. Sản phẩm

- Bản kế hoạch chi tiết thực hiện biên bản/hợp đồng chuyển giao công nghệ;
- Biên bản thống nhất triển khai các hoạt động hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

6.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Xây dựng kế hoạch triển khai	Viên chức bậc 5/9	Công	5,5
2	Hỗ trợ triển khai hoạt động chuyển giao công nghệ	Viên chức bậc 5/9	Công	7,5
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

6.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	13,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,80
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,10

6.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,52
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,10
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,01
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,3
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế

Bước 7. Kết thúc dịch vụ

7.1. Nội dung công việc

a. Mục đích

Tiến hành đánh giá kết quả hoạt động thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ, nghiệm thu và kết thúc quá trình thực hiện dịch vụ.

b. Các bước thực hiện

- Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ để xây dựng báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

- Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ: Phối hợp với Bên sử dụng dịch vụ nghiệm thu và ký kết các văn bản nghiệm thu, kết thúc thực hiện dịch vụ.

c. Sản phẩm

- Báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ;
- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

7.2. Định mức lao động

TT	Danh mục công việc	Yêu cầu	ĐVT	Định mức
I	Định mức lao động trực tiếp			
1	Lập báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Viên chức bậc 3/9	Công	0,5
2	Nghiệm thu và kết thúc dịch vụ	Viên chức bậc 3/9	Công	1,0
II	Định mức lao động gián tiếp			
	Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) bằng 15% định mức lao động trực tiếp			

7.3. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Thiết bị, máy móc	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Máy tính để bàn	Loại thông dụng	Ca	2,0
2	Máy in laser	In đen trắng khổ A4	Ca	0,13
3	Máy Photocopy	Loại thông dụng	Ca	0,016

7.4. Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Giấy in	A4	Gr	0,08
2	Mực in laser	Laser 1500 tờ A4	Hộp	0,016
3	Mực máy Photocopy	01 hộp: 25.000 tờ A4	Hộp	0,0016
4	Sổ ghi chép	Loại thông dụng	Quyển (120 trang)	0,2
5	Bút ghi chép	Loại thông dụng	Chiếc	1,0
6	Vật tư văn phòng khác			Theo thực tế